

Bản án số: 37/2024/DS-ST  
Ngày: 01/8/2024.  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn L – sinh năm 1955, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thái Ngọc B – sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt.

Ông Võ Thái N – sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Đoàn Văn L như sau:

Vào ngày 16/5/2023, ông có cho bà Thái Ngọc B vay số tiền 8.000.000đồng, đến ngày 21/6/2023, bà B tiếp tục vay của ông số tiền 3.500.000đồng.

Ngày 16/7/2023, bà B vay của ông số tiền 10.000.000đồng.

Tháng 9/2023, bà B vay thêm số tiền 4.000.000đồng.

Tháng 10/2023, bà B vay số tiền 2.400.000đồng.

Ngày 10/11/2023, bà B vay số tiền 600.000đồng.

Ngày 16/11/2023, bà B vay số tiền 4.000.000đồng.

Như vậy, bà Thái Ngọc B vay của ông tổng cộng bằng 32.500.000đồng.

Ngoài ra, khi bà Trần Thị D bạn của bà B đưa cho bà B số tiền 2.000.000đồng nhờ bà B gửi trả cho ông thì bà B không đưa lại cho ông mà đã lấy xài hết số tiền này của ông.

Bà B còn rủ ông hùn mua hụi, do ông nghe bà B nói có lời nên đồng ý, ông đã tin tưởng giao cho bà B số tiền 10.035.000đồng để mua hụi nhưng bà B không có mua hụi mà lấy hết số tiền này của ông tiêu xài.

Như vậy, tổng số tiền vay và tiền bà B lấy của ông bằng 44.535.000đồng. Khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận, từ khi vay tiền đến nay bà B không trả tiền lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc vợ chồng bà Thái Ngọc B và ông Võ Thái N phải trả cho ông tổng số tiền còn nợ bằng 44.535.000đồng. Ông không yêu cầu tính lãi.

Ông không đồng ý cho phía bị đơn trả dần số tiền trên.

Bị đơn bà Thái Ngọc B trình bày:

Bà thừa nhận có vay và nợ ông L tổng số tiền bằng 44.535.000đồng vào năm 2023 và hiện vẫn chưa trả ông L số tiền này.

Nay ông L kiện vợ chồng bà yêu cầu trả số tiền 44.535.000đồng bà thống nhất trả hết số tiền này cho ông L. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng bà đang gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền 44.535.000đồng cho ông L hàng tháng mỗi tháng trả

1.000.000đồng, thời gian trả nợ tính từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết số tiền trên.

Bị đơn ông Võ Thái N trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của vợ ông, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đoàn Văn L với ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Đoàn Văn L, ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt ông L, ông N và bà B không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, ông N và bà B.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đoàn Văn L với ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 463 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi ông Đoàn Văn L cho bà Thái Ngọc B vay tiền, hai bên không có viết biên nhận nợ nhưng tại biên bản hòa giải ngày 08/01/2024 của Ban lãnh đạo ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và bản tự khai ngày 15/7/2024, bà Thái Ngọc B cũng thừa nhận có nợ ông Đoàn Văn L tổng số tiền bằng 44.535.000đồng và hiện chưa trả số tiền này cho ông L, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đoàn Văn L không cần phải chứng minh, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với số tiền 44.535.000đồng đã cho ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B vay là có cơ sở chấp nhận. Do phía ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đoàn Văn L nên căn cứ Điều 166 và 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L về việc buộc ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B phải trả cho ông Đoàn

Văn L số tiền 44.535.000đồng.

[3] Về lãi suất: Khi ông Đoàn Văn L cho bà Thái Ngọc B vay tiền, hai bên không có viết biên nhận nợ nên không ghi nhận việc các bên thỏa thuận tính lãi như thế nào, tuy nhiên, ông Đoàn Văn L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Khi vay tiền và nhận tiền, ông Võ Thái N không trực tiếp nhận tiền nhưng số tiền này bà Thái Ngọc B sử dụng vào mục đích chung của gia đình và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn, bản thân ông Võ Thái N cũng đồng ý cùng bà Thái Ngọc B trả nợ cho ông L nhân nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Võ Thái N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đoàn Văn L là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B xin trả dần số tiền 44.535.000đồng cho ông L bằng cách trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000đồng, tuy nhiên, ông Đoàn Văn L không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B phải nộp số tiền 2.227.000đồng (44.535.000đồng x 5%).

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 166, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L.

Xử: Buộc ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn L số tiền 44.535.000 (bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Đoàn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B không trả đủ số tiền trên cho ông Đoàn Văn L thì hàng tháng ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Võ Thái N và bà Thái Ngọc B phải nộp số tiền 2.227.000 đồng.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**